UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN
CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LẠNG SƠN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 1878 /QĐ-UBND ngày 30 /10 /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Phần thứ nhất
CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LẠNG SƠN ĐẾN NĂM 2030

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

- Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

- Luật Giao dịch điện tử ngày 22/6/2023;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số;

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

- Nghị quyết số 49-NQ/TU, ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

II. CƠ SỞ THỰC TIỄN

Lạng Sơn là một tỉnh miền núi biên giới, có diện tích rộng, địa hình phức tạp, chia cắt, thời tiết khí hậu khắc nghiệt; trước nhiều khó khăn, thách thức, xuất phát điểm thấp nên Lạng Sơn xác định chuyển đổi số là giải pháp đột phá chiến lược để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã chỉ ra. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Lạng Sơn cũng đã ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TU ngày 28/9/2021 về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với 05 trụ cột là: chuyển đổi số trong cơ quan Đảng; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số và cửa khẩu số. Nghị quyết xác định Chuyển đổi số là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; là giải pháp đột phá để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả, tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị.

Thực hiện quy định của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương và Nghị quyết số 49-NQ/TU, từ năm 2021 đến nay, công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhiều hệ thống, nền tảng chuyển đổi số được triển khai và đưa vào sử dụng, góp phần đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Các chỉ số đánh giá về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh được cải thiện, nâng cao qua từng năm; trong đó, Chỉ số Chuyển đổi số năm 2021 tỉnh Lạng Sơn xếp hạng 05/63 tỉnh, thành phố, năm 2022 xếp hạng 06/63 tỉnh, thành phố; nhiều hạng mục về ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh được Hội Truyền thông số Việt Nam dưới sự bảo trợ của Bộ Thông tin và Truyền thông biểu dương, trao giải như: Giải pháp Nền tảng cửa khẩu số, giải pháp Nền tảng trợ lý ảo giải pháp tự động trả lời về thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp, giải pháp Tổ công nghệ số cộng đồng, giải pháp chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và Đào tạo…; Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam bình chọn Lạng Sơn đạt giải thưởng "Top công nghiệp 4.0 Việt Nam 2024".

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh còn có những khó khăn, vướng mắc: công tác chuyển đổi số ở một số nội dung, lĩnh vực chưa thực sự đồng bộ, đi vào chiều sâu; hạ tầng số, trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số còn thiếu và chưa đồng bộ, nhất là trang thiết bị, không gian phục vụ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa ở cấp xã. Nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số ở các cơ quan, đơn vị còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng. Công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng ngày càng khó khăn, phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn, an

ninh thông tin. Việc kết nối chia sẻ dữ liệu dùng chung giữa các bộ, ngành trung ương và địa phương vẫn còn hạn chế, vướng mắc. Đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn nên không có điều kiện để trang bị điện thoại thông minh, mở tài khoản ngân hàng; thói quen thanh toán tiền mặt, làm thủ tục hành chính trực tiếp… phần nào ảnh hưởng đến tiến trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Để công tác chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn trong thời gian tới tiếp tục có những bứt phá, đảm bảo thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn thì việc ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 là cần thiết nhằm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, huy động sự tham gia của tất cả các cấp, các ngành và của toàn xã hội, tập trung nguồn lực bảo đảm việc triển khai công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đồng bộ, có sự phối hợp chặt chẽ, kết nối, chia sẻ rộng khắp, kịp thời và hiệu quả.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LẠNG SƠN

I. KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Kết quả phát triển chính quyền số

Tỉnh đã triển khai và đưa vào sử dụng hiệu quả các ứng dụng dùng chung phục vụ hoạt động nội bộ của các cơ quan tỉnh. Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành hoạt động ổn định, kết nối 100% các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã; 100% văn bản được xử lý trên môi trường mạng (trừ văn bản mật) đồng thời thực hiện ký số văn bản điện tử, liên thông gửi lên trục liên thông (không gửi văn bản giấy), đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin mạng trong gửi, nhận thông điệp điện tử, văn bản điện tử và chứng thực điện tử; việc sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức giải quyết công việc nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí và đạt hiệu quả cao trong công việc.

Triển khai chữ ký số cho cá nhân, tổ chức, đến thời điểm hiện tại toàn tỉnh đã ấp 30.603 chữ ký số cho tổ chức và cá nhân, 805 Sim ký số; 100% văn bản điện tử gửi đi được thực hiện ký số, góp phần tích cực trong cải cách hành chính và nâng cao hiệu quả công việc, tăng tính công khai, minh bạch trong quản lý điều hành công việc. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh hoạt động hiệu quả, đảm bảo thông tin liên lạc, chất lượng âm thanh, hình ảnh rõ nét, tổ chức các cuộc họp nhanh, kịp thời, tiết kiệm thời gian và chi phí. Hệ thống thư điện tử công vụ được nâng cấp, hoạt động ổn định, phục vụ nhu cầu trao đổi công việc của cán bộ, công chức, viên chức; tài khoản thư điện tử được sử dụng để đăng nhập trên các hệ thống dùng chung của tỉnh[1].

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính được duy trì hoạt động

[1] Số tài khoản thư điện tử đã cấp cho các cơ quan đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh là 36.870 tài khoản. Tỷ lệ CBCCVC thường xuyên sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc đạt trên 90%.

ổn định, đến thời điểm hiện tại đã triển khai cung cấp được 1.543 dịch vụ công trực tuyến, trong đó có 1.027 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 516 dịch vụ công trực tuyến một phần. Ngoài ra, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia và thực hiện tích hợp, đồng bộ dữ liệu với 1.706 thủ tục hành chính; cung cấp, công khai 1.308 dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (trong đó có 311 dịch vụ công trực tuyến một phần và 871 dịch vụ công trực tuyến toàn trình); thường xuyên kiểm tra, rà soát, hiệu chỉnh chức năng đồng bộ trạng thái giải quyết hồ sơ từ Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh với Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ; trong đó tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt trên 99%.

Cổng Thông tin điện tử tỉnh đã bám sát Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ, tập trung tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các sự kiện chính trị nổi bật trong tỉnh. Cập nhật thường xuyên, liên tục về hoạt động chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, lãnh đạo UBND tỉnh, bảo đảm tính chính xác, kịp thời qua đó, góp phần quan trọng phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, lãnh đạo UBND tỉnh, đáp ứng nhu cầu thông tin của Nhân dân, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân quan tâm, nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, tuyên truyền, quảng bá, thu hút đầu tư thúc đẩy sự phát triển và hội nhập của tỉnh Lạng Sơn. Bảo đảm đáp ứng các quy định về cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật cho Cổng thông tin điện tử và Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước tại Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Trang thông tin điện tử thành phần của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố cung cấp đầy đủ thông tin về công tác chỉ đạo, điều hành, thủ tuc hành chính, thông tin về quy hoạch, kế hoạch[2]...; Trang thông tin điện tử chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn (tại địa chỉ http://cds.langson.gov.vn) cung cấp thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, cửa khẩu số trên địa bàn tỉnh, đến nay có trên 5.325.878 lượt truy cập khai thác thông tin.

Về triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số: cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lạng Sơn[3] phù hợp Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và triển khai áp dụng Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được phê duyệt. Thực hiện Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số; Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn năm 2024, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông chuẩn bị triển khai thực hiện nhiệm vụ: "Xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lạng Sơn, phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số";

---

[2] Trong đó, Trang thông tin điện tử chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn (tại địa chỉ http://cds.langson.gov.vn) đã cung cấp thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, cửa khẩu số trên địa bàn tỉnh. Đến nay có trên 5.325.878 lượt truy cập khai thác thông tin.

[3] Tại Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

tiếp tục duy trì kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cổng dịch vụ công của tỉnh và cung cấp dịch vụ "xác thực thông tin công dân", tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức.

Triển khai có hiệu quả Nền tảng điện toán đám mây Make-in-VietNam (Lạng Sơn Cloud), từng bước đưa các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh quản lý tập trung thống nhất tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; triển khai xây dựng kho dữ liệu dùng chung (Data Lake) phục vụ phân tích, dự báo hỗ trợ quá trình ra quyết định của tỉnh.

Đầu tư, nâng cấp cơ sở dữ liệu và Nền tảng số phục vụ quản lý cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh; triển khai xây dựng Nền tảng danh tính số; xây dựng Nền tảng số quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản; Nền tảng số quản lý tài sản công tập trung; Nền tảng số dùng chung các ngành Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng (bản đồ số); xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý ngành Giao thông vận tải, cơ sở dữ liệu quản lý ngành Tài nguyên và Môi trường, cơ sở dữ liệu quản lý địa giới hành chính, cơ sở dữ liệu quản lý ngành Thông tin và Truyền thông, cơ sở dữ liệu quản lý ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ sở dữ liệu quản lý ngành Xây dựng tích hợp vào Nền tảng số dùng chung.

Trung tâm thông tin chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh (IOC) được triển khai và thường xuyên cập nhật, hiệu chỉnh, bổ sung chức năng, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) hoạt động ổn định phục vụ việc kết nối, liên thông, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; Nền tảng Công dân số Xứ Lạng, Trợ lý ảo (Chatbot) hỗ trợ, hướng dẫn tra cứu, thực hiện giải quyết thủ tục hành chính/dịch vụ công trực tuyến tiếp tục được duy trì, nâng cấp, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Hệ thống Phần mềm quản lý nghiệp vụ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh Lạng Sơn đi vào hoạt động chính thức từ ngày 12/9/2024, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng phần mềm Nền tảng quản lý giá kết nối với Cổng khai thác dữ liệu chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn; đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng, khai thác Nền tảng quản lý giá, chính thức có hiệu lực từ ngày 01/10/2024.

Cơ sở dữ liệu đất đai của 11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn trên phần mềm iLIS do VNPT cung cấp. Phần mềm đã kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu với Hệ thống thông tin của cơ quan Thuế và Hệ thống dịch vụ công của tỉnh, đang triển khai kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai để chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06. Kết quả từ khi triển khai thí điểm đến nay đã tiếp nhận 7.881 hồ sơ, hoàn thành giải quyết 4.075 hồ sơ, chuyển thông tin điện tử sang cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai được 2.286 phiếu chuyển thông tin, cơ quan Thuế đã ban hành được 2.233 thông báo nộp tiền. Việc chỉnh lý biến động được thực hiện song song với giải quyết thủ tục hành chính trên dịch vụ công của tỉnh giúp cắt giảm thời gian,

nhân lực thực hiện, cơ sở dữ liệu cơ bản được chỉnh lý biến động kịp thời để đảm bảo yêu cầu "đúng - đủ - sạch - sống".

Kho dữ liệu số hóa thủ tục hành chính của tỉnh được duy trì hoạt động ổn định, kết nối liên thông, đồng bộ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh phục vụ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa và khai thác lại dữ liệu số hóa trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Việc số hóa hồ sơ thủ tục hành chính được các cơ quan, đơn vị quan tâm, thực hiện, đến thời điểm hiện tại, tổng số hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị đã thực hiện số hoá lên Kho dữ liệu số hoá của tỉnh là 942.934/979.536 hồ sơ (đạt 96%); trong đó cấp tỉnh đã số hóa được 209.243 hồ sơ (đạt 95,57%), cấp huyện 104.250/119.056 hồ sơ (đạt 87,6%), cấp xã 600.684/611.711 hồ sơ (đạt 98,2%).

Công tác bảo đảm an toàn thông tin tiếp tục được quan tâm, triển khai đồng thời tăng cường thông tin, tuyên truyền để cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp quan tâm, đảm an toàn thông tin, khi tham gia trên môi trường mạng.

2. Phát triển hạ tầng số

Mạng lưới viễn thông của tỉnh được duy trì kết nối thông suốt 3 cấp, 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng di động, internet tốc độ cao; Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh được đầu tư, nâng cấp hoạt động ổn định; tổng số vị trí trạm BTS hiện nay là 1.485 vị trí với 3.455 trạm; đến thời điểm hiện nay toàn tỉnh còn 39 thôn bản trắng sóng, 377 cụm dân cư lõm sóng theo theo tiêu chí hướng dẫn của Cục Viễn thông.

Triển khai lộ trình tắt sóng 2G theo lộ trình, đến nay các doanh nghiệp viễn thông di động đã thực hiện chuyển đổi được khoảng 94% thuê bao dùng 2G Only sang 4G so với đầu năm 2024[4], toàn tỉnh chỉ còn khoảng 1.500 thuê bao 2G Only phải chuyển đổi, là một trong những tỉnh triển khai nhanh nhất lộ trình tắt sóng 2G. Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh đã hỗ trợ, cam kết hỗ trợ người dân trên 7.057 điện thoại 4G để đẩy nhanh lộ trình tắt sóng 2G. Hoàn thành triển khai hạ tầng mạng 5G tại thành phố Lạng Sơn và trung tâm các huyện, thành phố và chuẩn bị các hoạt động khai trương 5G tại Lạng Sơn.

100% hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh và các sở, ngành được quản lý tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh lên Nền tảng điện toán đám mây Lạng Sơn Cloud.

3. Về kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số

Việc phát triển kinh tế số, xã hội số tiếp tục được quan tâm, triển khai và đạt được những kết quả tích cực; 100% các trường học trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán học phí, phí dịch vụ giáo dục bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; 100% bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế huyện/thành phố triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt; toàn tỉnh có trên 72%

[4] Từ 07/8/2024 đến nay chuyển được 21.900 thuê bao, tương đương 30%.

dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử; trên 90% điểm kinh doanh cố định có dịch vụ thanh toán qua mã QR Code; 100% doanh nghiệp khai báo hóa đơn điện tử; tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp qua mạng đạt 100%...

Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố rà soát, kiện toàn Tổ Công nghệ số cộng đồng đảm bảo duy trì hoạt động; tổ chức 12 lớp tập huấn về số hóa thủ tục hành chính và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ cho gần 1.000 cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, nâng cao trình độ chuyên môn và kiến thức về tự bảo vệ mình trên không gian mạng cho 6.061 thành viên của 1.622 Tổ Công nghệ số cộng đồng và cho 230 người là đối tượng hoạt động không chuyên trách; chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Cục chuyển đổi số Quốc Gia - Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trực tiếp cho Tổ Công nghệ số cộng đồng tại địa bàn xã Gia Lộc, huyện Chi Lăng để làm mẫu triển khai nhân rộng trên toàn tỉnh.

4. Về phát triển cửa khẩu số

Nền tảng cửa khẩu số hoạt động ổn định, giúp tăng cường công tác quản lý, giám sát của cơ quan nhà nước, tạo kênh thông tin kết nối đa chiều giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu, công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý tại cửa khẩu, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo, cải cách hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu. Hoàn thành kết nối cơ sở dữ liệu ngành giao thông vận tải; hoàn thành tích hợp thanh toán trực tuyến trên Nền tảng cửa khẩu số.

Ngày 17/8/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 865/QĐ-TTg về việc phê duyệt thí điểm xây dựng cửa khẩu thông minh tại đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1119 - 1120 và đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1088/2 - 1089 thuộc cặp cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị (Việt Nam) - Hữu Nghị Quan (Trung Quốc).

II. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, hạn chế

Một bộ phận lãnh đạo cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân nhận thức chưa sâu sắc, đầy đủ về vị trí, vai trò về chuyển đổi số; một số cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu chưa quyết tâm, gương mẫu trong ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc, ngại thay đổi thói quen, ngại tiếp cận cái mới; bên cạnh đó, môi trường pháp lý hiện nay vẫn chưa theo kịp sự phát triển nhanh của công nghệ, nhu cầu xã hội, đặc biệt trong các lĩnh vực mới, thực hiện chuyển đổi số bị cản trở bởi những khó khăn khi những vấn đề mới phát sinh cần giải quyết nhưng thiếu quy định.

Việc tinh giản biên chế công chức, viên chức và yêu cầu nhiệm vụ ngày càng tăng, tuy nhiên một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự chủ động ưu tiên nguồn lực triển khai chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị mình; hạ tầng số ở một số thôn vùng sâu, vùng xa chưa được phủ sóng di động 3G/4G, vẫn còn vùng lõm

sóng theo tiêu chí mới của Bộ Thông tin và Truyền thông, người dân không sử dụng được điện thoại thông minh, do đó khó khăn trong việc triển khai các nền tảng số.

Kinh phí đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế dẫn đến khó khăn trong việc nâng cấp, thay thế các thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn. Nguồn nhân lực phụ trách hoạt động chuyển đổi số tại một số cơ quan đơn vị còn thiếu và yếu, chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa được đào tạo chuyên sâu về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nhất là nhân lực phát triển kinh tế số hầu như chưa có, việc thu hút, giữ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin gặp nhiều khó khăn.

Nhận thức và ý thức của một số bộ phận cán bộ, công chức, viên chức về an toàn thông tin chưa đầy đủ; đội ngũ cán bộ phụ trách an toàn, an ninh thông tin tại các cơ quan, đơn vị còn thiếu và yếu; kinh phí đầu tư cho an toàn thông tin còn hạn chế, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu. Khả năng bảo vệ, ứng cứu sự cố, xử lý tấn công mạng của các doanh nghiệp, người dân còn hạn chế; tình trạng lộ, lọt, đánh cắp, chiếm quyền kiểm soát, lừa đảo trên không gian mạng thường xuyên diễn ra; nguy cơ xảy ra các loại tội phạm công nghệ cao, mất an toàn an ninh mạng dẫn đến suy giảm lòng tin của người dùng trong các giao dịch trên môi trường số.

Vẫn còn nhiều ngành chưa xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ cho công tác quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực để tích hợp vào Nền tảng số dùng chung và kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành thông minh (IOC) của tỉnh.

Số lượng các doanh nghiệp số trên địa bàn tỉnh còn rất hạn chế, hiện nay chỉ có 03 doanh nghiệp công nghệ số lớn gồm: Viettel Lạng Sơn, Viễn thông Lạng Sơn, MobiFone Lạng Sơn, do đó làm chậm quá trình chuyển đổi số trong kinh tế địa phương, gây khó khăn trong cải tiến năng suất và hiệu quả sản xuất.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với các công nghệ mới: AI, DL, Cloud computing, Big data, IoT, Blockchain,… làm thay đổi mọi mặt trong đời sống xã hội, việc ứng dụng các công nghệ này đòi hỏi nguồn lực rất lớn để đầu tư trong khi thể chế, chính sách, hệ thống pháp luật chưa theo kịp; việc chia sẻ dữ liệu các hệ thống thông tin của các bộ, ngành trung ương cho địa phương còn nhiều khó khăn về đồng bộ, kết nối...

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Một số cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; nhận thức về chuyển đổi số chưa đồng đều giữa các cơ quan, đơn vị và từng cán bộ, công chức, viên chức; sự phối hợp trong công tác triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số chưa thực sự đồng bộ, còn tâm lý sợ trách

nhiệm; công tác tuyên truyền, phổ biến về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số chưa sâu rộng. Nguồn lực về tài chính đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh còn hạn chế, chưa huy động được nguồn lực từ xã hội. Cơ chế, chính sách thu hút, đãi ngộ cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin chưa đủ mạnh nên công tác tuyển dụng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, nhất là chuyên môn về an toàn thông tin. Một số cơ quan, tổ chức, địa phương thiếu vị trí việc làm công nghệ thông tin, an toàn thông tin, chủ yếu là vị trí việc làm kiêm nhiệm; thiếu cơ chế bồi dưỡng, khuyến khích Tổ công nghệ số cộng đồng để phát huy, tận dụng sức mạnh, lợi thế của Tổ công nghệ số cộng đồng.

Phần thứ ba
NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh, đóng góp quan trọng vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; phấn đấu đến năm 2030, Lạng Sơn giữ vững vị trí trong nhóm dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích, góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành tại các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và sinh hoạt cộng đồng người dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Phát triển chính quyền số

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc bí mật nhà nước).

- Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) Phát triển kinh tế số

- Phấn đấu kinh tế số chiếm từ 25% - 30% GRDP của tỉnh.

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

- Phấn đấu năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 8%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có cửa hàng số trên nền tảng thương mại điện tử trên 80%.

c) Phát triển xã hội số

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử, ví điện tử trên 80%.

- Lạng Sơn duy trì thuộc nhóm hạng A, nhóm dẫn đầu quốc gia về an toàn, an ninh mạng.

d) Phát triển cửa khẩu số

Tiếp tục duy trì, phát triển cửa khẩu số tỉnh Lạng Sơn thành cửa khẩu số thông minh.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Xây dựng thể chế số

- Xây dựng cơ chế, chính sách của tỉnh để hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả, phù hợp với môi trường số; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tích cực thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào tỉnh;

- Xây dựng và ban hành các quy định về tính pháp lý của dữ liệu số; các quy định về việc thu thập, quản lý, lưu trữ, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu trên môi trường số trong các cơ quan nhà nước của tỉnh (dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở);

- Xây dựng quy định về đảm bảo an toàn thông tin, đảm bảo an ninh mạng trên phạm vi toàn tỉnh trên nền tảng chung chính sách của quốc gia;

- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá xếp hạng đơn vị, lãnh đạo, công chức, viên chức và doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số theo quy định;

- Có chế độ ưu đãi cho cán bộ, công chức, viên chức công tác trong lĩnh vực chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; có chính sách đào tạo, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực công nghệ thông tin có trình độ cao.

2. Phát triển hạ tầng số

- Phát triển hạ tầng mạng băng rộng: phát triển internet công cộng để cung cấp các sản phẩm số, dịch vụ số; nâng cấp phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao, tiếp tục triển khai phủ sóng 5G; đảm bảo có hạ tầng cáp quang để thiết lập mạng internet băng rộng cố định đối với các địa bàn chưa có hạ tầng băng rộng cố định; nâng cấp phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao; thiết lập mạng truy cập băng rộng di động tại các vùng lõm sóng;

- Phát triển, nâng cấp hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp 2 của các cơ quan Nhà nước, bảo đảm vận hành ổn định, hiệu quả.

- Duy trì hoạt động Trung tâm dữ liệu tỉnh đáp ứng quy định; xây dựng mạng lưới, cơ chế dự phòng cho dữ liệu quan trọng tại Trung tâm dữ liệu tỉnh theo quy định.

3. Phát triển nền tảng số và dữ liệu số

- Nâng cấp, hoàn thiện nền tảng chính quyền điện tử và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định để đảm bảo duy trì kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (National Data Exchange Platform - NDXP) và Trục liên thông dữ liệu quốc gia (Vietnam Data Exchange Platform - VDXP);

- Ưu tiên phát triển các nền tảng chuyên ngành kết nối, chia sẻ, liên thông với các cơ sở nền tảng của bộ, ngành trung ương để quản lý hiệu quả, hạn chế chồng chéo thông tin và đảm bảo tính kế thừa;

- Phát triển Kho dữ liệu dùng chung toàn tỉnh cho phép thu thập, lưu trữ, tổng hợp từ nhiều nguồn dữ liệu khác nhau, phân tích, xử lý, khai phá, hỗ trợ ra quyết định; đồng thời chia sẻ cho các cơ quan đơn vị sử dụng;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành và quản lý nhà nước; chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu cơ sở dữ liệu chuyên ngành và quản lý nhà nước hiện có để đưa vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; kết nối, tích hợp với cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia;

- Số hóa kết quả thủ tục hành chính còn hiệu lực và các văn bản chỉ đạo điều hành, quản lý, lưu trữ, hồ sơ của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

4. Phát triển nhân lực số

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh;

- Xây dựng kế hoạch truyền thông, phổ cập kỹ năng số cho doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh. Thu hút chuyên gia, nhân lực công nghệ thông tin tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ đến tỉnh đầu tư, làm việc;

- Triển khai các mô hình giáo dục, phát triển tư duy lập trình, chuyển đổi số cho học sinh, sinh viên trong các trường phổ thông; xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao làm về làm việc tại tỉnh;

- Huy động nhân sự từ các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh tích cực tham gia vào các hoạt động tuyên truyền, triển khai các chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

5. Đảm bảo an toàn thông tin

- Định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá và xác định cấp độ an toàn thông tin; triển khai lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin theo quy định;

- Nâng cấp và đưa vào vận hành hiệu quả Trung tâm điều hành, giám sát an toàn an ninh mạng của tỉnh (SOC), kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng quốc gia;

- Chủ động giám sát các nguy cơ tấn công và mất an toàn thông tin mạng, có hành động ứng phó kịp thời theo phương châm "3 trước" bao gồm: nhận diện

trước; chuẩn bị phương án, lực lượng, vật tư trước; phát hiện, hành động, xử lý trước và "4 tại chỗ" bao gồm chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện, vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ, đảm bảo "từ xa, từ sớm, từ cơ sở".

6. Phát triển chính quyền số

- Hoàn thiện, cập nhật các nền tảng, hệ thống thông tin như: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, các ứng dụng chuyên ngành, các danh mục dùng chung,... theo văn bản hướng dẫn của bộ, ngành trung ương; ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ để tối ưu hoá trải nghiệm, mang lại sự thuận tiện cho người dùng như trợ lý ảo, trả lời tự động;

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp;

- Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành kết nối, tích hợp với các hệ thống ứng dụng của các cơ quan Trung ương trên địa bàn. Triển khai thử nghiệm một số nền tảng số dùng chung theo hướng dẫn của bộ, ngành trung ương và đặc thù của tỉnh.

7. Phát triển kinh tế số

- Thúc đẩy sử dụng các nền tảng, giải pháp số cho các doanh nghiệp trong tỉnh, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ ;

- Xây dựng và đẩy mạnh môi trường thương mại điện tử, thanh toán điện tử trên địa bàn tỉnh;

- Xây dựng các chính sách hỗ trợ phát triển bưu chính viễn thông; xây dựng diễn đàn trao đổi, hợp tác kinh tế.

8. Phát triển xã hội số

- Phổ cập các kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số đến mọi tầng lớp Nhân dân. Tuyên truyền, hỗ trợ người dân tham gia các hoạt động trên môi trường số một cách sâu rộng như sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, mua bán trực tuyến, phản ánh, tương tác với chính quyền...

- Thiết lập các kênh để truyền thông, hướng dẫn, hỗ trợ người dân về chuyển đổi số; đồng thời để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật của cơ quan Nhà nước;

- Đẩy mạnh số hoá hồ sơ, tài liệu và hình thành các kho dữ liệu điện tử của tỉnh, ứng dụng các phần mềm để khai thác; từng bước cung cấp dữ liệu mở nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp, người dân tiếp cận, khai thác thông tin;

- Triển khai cấp chữ ký số miễn phí cho người dân, doanh nghiệp giúp cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận các dịch vụ công, thủ tục hành chính được nhanh hơn, thuận tiện hơn, đồng thời đảm bảo tính pháp lý trong giao dịch dịch

vụ công trực tuyến cũng như các giao dịch khác giữa người dân, doanh nghiệp, từ đó sớm hoàn thiện các điều kiện hình thành công dân số trên địa bàn tỉnh;

- Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội, để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; ban hành các quy tắc ứng xử trên môi trường số cho doanh nghiệp và người dân; giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số;

- Đẩy mạnh giao tiếp xã hội thông qua các mạng xã hội, các ứng dụng, ưu tiên các dịch vụ như: tư vấn pháp lý, giáo dục, y tế, an sinh xã hội, hành chính công, văn hóa, du lịch, môi trường,...

9. Phát triển cửa khẩu số

Triển khai nâng cấp Nền tảng cửa khẩu số đảm bảo quản lý tổng thể và toàn diện hoạt động xuất nhập khẩu, cải cách hành chính, tự động hóa quy trình, giảm thiểu thời gian cho doanh nghiệp tham gia xuất nhập khẩu; đồng bộ việc quản lý, kiểm tra, giám sát. Áp dụng các công nghệ số hiện đại như AI, Bigdata, Cloud; xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, có khả năng kết nối/chia sẻ dữ liệu qua Trục liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP), hướng tới Cửa khẩu thông minh theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

III. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Việc xác định dự toán kinh phí triển khai của từng nhiệm vụ, dự án sẽ được thực hiện trên cơ sở Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hàng năm do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí triển khai Đề án từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ, nguồn xã hội hóa (nếu có). Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của nhà nước.

Phần thứ tư
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án này.

- Rà soát, đề xuất UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025 nhằm đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu lồng ghép các nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án này vào Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, đúng lộ trình.

- Phối hợp cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số một cách toàn diện, đồng bộ.

- Làm đầu mối phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các nền tảng số áp dụng toàn quốc.

- Làm đầu mối phối hợp, hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp số để tận dụng nguồn lực, nhất là nhân lực chuyên môn cao hỗ trợ trong việc triển khai Đề án này đạt hiệu quả, chất lượng.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về tiến độ thực hiện Đề án và kịp thời đề xuất các giải pháp cần thiết để bảo đảm việc thực hiện thành công Đề án.

2. Văn phòng UBND tỉnh

Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý của Văn phòng UBND tỉnh; đẩy mạnh chuyển đổi số trong cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai Đề án.

3. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính với Đề án chuyển đổi số của tỉnh.

Chủ trì đề xuất đưa vào đánh giá thi đua khen thưởng trách nhiệm người đứng đầu về kết quả triển khai chuyển đổi số của ngành, địa phương mình.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn kiến thức về kỹ năng số, kết hợp với tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về chuyển đổi số cho lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị quy trình thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử theo quy định pháp luật.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Đề án phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng chính sách ưu đãi nhằm thu hút vốn đầu tư đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số (nếu có).

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận các nền tảng chuyển đổi số.

5. Sở Tài chính

Hàng năm, theo khả năng cân đối ngân sách địa phương phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh xem xét phân bổ nguồn vốn để triển khai thực hiện Đề án này.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Ưu tiên phân bổ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho chuyển đổi số, chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp và các công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 theo Quyết định số 2117/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với chuyển đổi số.

Tham mưu sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính trong nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ gắn với tăng cường thực hiện mục tiêu chuyển đổi số. Kết nối và phối hợp chặt chẽ với các viện, trường, doanh nghiệp có quy mô lớn, chuyên sâu về công nghệ thông tin trên địa bàn trong tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các sáng kiến, giải pháp về trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số.

7. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án.

Trong xây dựng kế hoạch ngân sách hàng năm phải bao gồm mục chi riêng cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để phục vụ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh kết quả chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực quản lý.

8. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Lạng Sơn, Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Đẩy mạnh tuyên truyền chuyển đổi nhận thức của xã hội về chuyển đổi số; phổ biến, lan tỏa câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.